TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2020/HC-PT
Ngày: 12-9-2020
V/v khiếu kiện quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các Thẩm phán: Ông **Mai Xuân Thành.**

Ông **Lê Tự.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 09/2017/HCST ngày 18-10-2017 về "Khiếu kiện quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 17-8-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1401/020/QĐ-PT ngày 27-8-2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1940 và bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; bà L vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

Chị **Nguyễn Thị Kim Hồng P**; địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền số 6114/UQ ngày 17-10-2016), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Luật sư **Nguyễn Hà L1** - Văn phòng thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ văn phòng: Thành phố Hà Nội, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông **Nguyễn Văn G** chết (Trích lục*

khai tử số 373/2018/TLKT-BS ngày 05-10-2018 xác định ông G chết ngày 09-9-2018).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn G:

1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

2. Chị **Nguyễn Thị Kim Hồng P**, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

3. Chị **Nguyễn Thị Kim Hồng M**, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

4. Chị **Nguyễn Thị Kim N1**, sinh năm 1979 ; địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

5. Anh **Nguyễn Phi M1**, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

6. Chị **Nguyễn Thị Kim Hồng H1**, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

7. Anh **Nguyễn Phi C**, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

8. Chị **Nguyễn Thị Kim Hồng Nh**, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

- *Người bị kiện:* **Ủy ban nhân dân thành phố N**; địa chỉ trụ sở: Số 42, đường Lê Thánh Tôn, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông **Nguyễn Sỹ Kh** - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền số 4402/GUQ-UBND ngày 22-6-2020), vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Bà **Hồ Thị H2** - Chức vụ: Phó Trưởng phòng và bà **Nguyễn Diệu H3** (chuyên viên) - Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N; địa chỉ: Số 159, đường H4, phường L2, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, đều có mặt.

Ông **Nguyễn Văn Q** - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Kế hoach tổng hợp - Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng giao thông tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Kim Hồng P, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Phi M1, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Kim Hồng H1, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Phi C, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D,

phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị Kim Hồng Nh, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

8. Anh Lê Văn H5, sinh năm 1999 Cùng địa chỉ cư trú: Số 50, Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

9. Cháu Nguyễn Đăng K, sinh năm 2007; người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Đăng K là chị Nguyễn Thị Kim Hồng P, chị P có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1975, hộ gia đình ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L tự bồi đắp lô đất có diện tích 130,9 m^2, tại Cồn T, tổ 3, D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế hàng năm theo quy định của Nhà nước (phần đất này không tranh chấp đất với ai).

Tuy nhiên, ngày 18-9-2016, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 3593/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L đang sử dụng để thực hiện Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N (Khu dân cư Cồn T, phường X) và ban hành Quyết định số 3627/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L có đất bị thu hồi thuộc Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1 (Khu dân cư Cồn T, phường X, thành phố N).

Cho rằng UBND thành phố N thu hồi đất của hộ gia đình, với lý do "Vì lợi ích công cộng, phát triển kinh tế, xã hội" nhưng thực tế thu hồi đất để giao cho Doanh nghiệp Sông Đà kinh doanh thương mại và phân lô bán đất nền, nên việc bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 3627/QĐ-UBND ngày 19-8-2016 là không đúng, gây thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông, bà.

Vì vậy, ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 3593/QĐ-UBND và hủy Quyết định số 3627/QĐ-UBND cùng ngày 18-9-2016 của UBND thành phố N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

UBND thành phố N xác định không đúng mục đích thu hồi đất nên các quyết định thu hồi đất, phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L là không phù hợp Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy các quyết định đã bị khởi kiện.

- Người bị kiện trình bày:

1. Đối với các quyết định của UBND tỉnh Khánh Hòa:

1.1. Quyết định số 2500/QĐ-UB ngày 06-8-2003:

Ngày 31-12-2002, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 4625/QĐ-UB phê duyệt Dự án đầu tư, chỉnh trang đô thị và tái định cư dân hai bên bờ sông C1, thành phố N (Giai đoạn 1: từ Quốc lộ 1 đến đường TP nối dài), như sau: tên công

trình: Chỉnh trang đô thị và tái định cư dân 2 bên bờ sông C1, thành phố N (Giai đoạn 1: từ Quốc lộ 1C đến đường TP nối dài); hình thức đầu tư: Xây dựng mới; địa điểm: Địa bàn thành phố N; vị trí và giới hạn công trình: Từ Quốc lộ 1C đến đường TP nối dài, khu vực 2 bên bờ sông Cái và Cồn T; mục tiêu: Xây dựng tuyến kè và đường dọc bờ sông C1 để chỉnh trang đô thị, tái định cư nhân dân 2 bên bờ sông C1, tạo cảnh quan đô thị, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, giải quyết thoát lũ sông C1; phần tái định cư: Tổng quỹ đất sử dụng tái định cư là 43.297 m^2, khu tái định cư có 1.216 căn hộ chung cư cao tầng trên khu vực Cồn T, Cồn Giữa; tổng mức đầu tư: 502.810.000.000 đồng; nguồn vốn: Vốn ngân sách và vốn vay trong nước; chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án các công trình trọng điểm (nay là Ban Quản lý dư án đầu tư xây dựng các công trình giao thông).

Ngày 09-6-2003, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1692/QĐ-UB về việc thay đổi tên dự án Kè và đường bờ sông C1 thành phố N, với tên mới cho toàn bộ dự án là Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N.

Ngày 01-7-2003, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Thông báo số 284/TB-UB về việc giải tỏa để xây dựng công trình Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N (Giai đoạn 1: đoạn từ cầu TP đến cầu H6 và cầu Xóm bóng), cụ thể: quy mô xây dựng công trình: kè và đường bờ tả sông C1 (từ cầu TP đến cầu Xóm Bóng), kè và đường bờ hữu sông C1 (từ cầu TP đến cầu H6), các khu tái định cư trên Cồn T; phạm vi giải tỏa để xây dựng công trình: Giải tỏa đủ để xây dựng công trình theo hồ sơ dự án, thiết kế được phê duyệt.

Căn cứ khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02-12-1998; khoản 4, khoản 5, khoản 9 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 29--2001 và điểm c, điểm d Điều 7 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11-02-2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28-9-2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11-02-2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai; Ban Quản lý dự án các công trình trọng điểm được UBND tỉnh Khánh Hòa giao đất không thu tiền sử dụng đất để thực hiện dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N.

Căn cứ Điều 21, khoản 6 Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993 và khoản 14 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 29-6-2001, thì việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó và người bị thu hồi đất được bồi thường về đất theo quy định.

Như vậy, việc UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 2500/QĐ-UB ngày 06-8-2003 về việc thu hồi đất do các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang quản lý, sử dụng để thực hiện dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè đường dọc bờ sông C1, thành phố N (giai đoạn I), với diện tích 123.032 m^2 (12,3032 Ha) là đúng quy định của pháp luật về đất đai năm 1993.

1.2. Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 12-11-2012 và Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 06-11-2014:

Ngày 29-11-2007, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Thông báo số 509/TB-UBND

về việc thỏa thuận địa điểm lập dự án đầu tư Khu dân cư Cồn T, phường X, thành phố N; cho phép Công ty Cổ phần S - T nghiên cứu lập dự án đầu tư với các nội dung như sau: tên dự án: Khu dân cư Cồn T; mục tiêu: Xây dựng khu dân cư hiện đại có đầy đủ CSHTKT; địa điểm: Tại Cồn T, phường X, thành phố N; diện tích: 15 ha; vốn đầu tư: 639.384.575.000 đồng; nguồn vốn: Vốn tự có, vốn vay và vốn huy động; hình thức đầu tư: Đầu tư 100% vốn trong nước.

Ngày 11- 9-2009, UBND tỉnh Khánh Hòa có Văn bản số 4721/UBND về việc cho phép tiếp tục thực hiện dự án Khu dân cư Cồn T, thành phố N, đồng ý chủ trương cho phép Công ty Cổ phần S - T được tiếp tục triển khai thực hiện dự án Khu dân cư Cồn T, thành phố N. Ngày 21-9-2009, UBND tỉnh Khánh Hòa có Văn bản số 4913/UBND về việc hỗ trợ thực hiện dự án và phương án kiến trúc Khu dân cư Cồn T, thành phố N; giao cho Ban Quản lý dự án các công trình trọng điểm thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho toàn bộ các hộ dân nằm trong khu vực bị ảnh hưởng bởi dự án Khu dân cư Cồn T. Công ty Cổ phần S - T có trách nhiệm ứng trước kinh phí và chuyển vào tài khoản do Sở Tài chính quản lý 100 tỷ đồng để sử dụng vào việc bồi thường, giải tỏa cho các hộ dân.

Công ty Cổ phần S - T đã chuyển vào tài khoản do Sở Tài chính quản lý 100 tỷ đồng để sử dụng vào việc bồi thường, giải tỏa dự án Khu dân cư Cồn T (theo Văn bản đề ngày 18-5-2010 của Công ty Cổ phần S - T về việc xác nhận số dư nợ với Công ty Cổ phần S - T được Giám đốc Sở Tài chính xác nhận).

Ngày 24-02-2011, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 508/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu dân cư Cồn T, thành phố N, quy mô sử dụng đất 79.348,2 m^2 tại Cồn T, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 29-4-2011, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1097/QĐ-UBND phê duyệt phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tiểu dự án 8 xây dựng hạ tầng Khu dân cư Cồn T thuộc dự án Chỉnh trang đô thị xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; tổng kinh phí dự kiến: 321.464.325.000 đồng; nguồn kinh phí thực hiện dự án: nguồn vốn ngân sách.

Ngày 06-9-2011, UBND tỉnh Khánh Hòa có Văn bản số 4668/UBND-XDNĐ về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu dân cư Cồn T, phường X, thành phố N, như sau: Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần S - T; tên dự án: Khu dân cư Cồn T, phường X, thành phố N; địa điểm: Cồn T, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; hình thức đầu tư: Xây dựng mới; mục tiêu: Xây dựng khu dân cư đô thị hiện đại có đầy đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật bền vững; quy mô sử dụng đất: 7,9384 ha.

Ngày 01-10-2012, UBND tỉnh Khánh Hòa có Văn bản số 5436/UBND-XDNĐ về việc điều chỉnh chấp thuận đầu tư dự án Khu dân cư Cồn T, phường X, thành phố N, như sau: Chủ đầu tư: Liên danh Công ty Cổ phần S - T và Công ty Cổ phần Sông Đà - N; đại diện pháp lý của Liên danh: Công ty Cổ phần Sông Đà - N.

1.3. Đối với Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 12-11-2012:

Căn cứ Điều 31, khoản 2 và khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 108 của Luật Đất đai năm 2003; điểm a khoản 2 Điều 34 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ; điểm 2.1 Mục X Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 02-7-2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn

thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ và điều chỉnh Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu dân cư Cồn T, thành phố N được phê duyệt tại Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 24-02-2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa, thì Dự án Khu dân cư Cồn T, phường X, thành phố N thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất cho chủ đầu tư để thực hiện dự án.

Căn cứ khoản 3 Điều 66, khoản 3 Điều 67 của Luật Đất đai năm 2003 và khoản 4 Điều 10 Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23-6-2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở, thời hạn giao đất để xây dựng nhà ở là lâu dài, thời hạn giao đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh (xây dựng công trình dịch vụ Thương mại) được xem xét, quyết định trên cơ sở dự án đầu tư hoặc đơn xin giao đất nhưng không quá 50 năm, chủ đầu tư phải bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành theo nội dung của dự án đã được phê duyệt hoặc theo văn bản chấp thuận đầu tư.

Như vậy, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 12-11-2012 về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Sông Đà - N (đại diện pháp lý của Liên danh Công ty Cổ phần S - T và Công ty Cổ phần Sông Đà - N) để xây dựng công trình Dịch vụ Thương mại thuộc dự án Khu dân cư Cồn T, phương X, thành phố N là đúng quy định của pháp luật về đất đai 2003.

1.4. Đối với Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 06-11-2014:

Căn cứ Điều 52, khoản 2 Điều 54, khoản 2 Điều 55, điểm đ khoản 1 Điều 56, điểm a khoản 1 Điều 59, khoản 3 Điều 126, khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 10 Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23-6-2010 của Chính phủ "Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở", Công ty Cổ phần Sông Đà - N (đại diện pháp lý của liên danh Công ty Cổ phần S - T và Công ty Cổ phần Sông Đà - N) thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất để xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê; thuê đất trả tiền hàng năm hoặc trả tiền một lần cho cả thời hạn thuê đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; thời hạn giao đất và cho thuê đất không quá 50 năm, người mua nhà gắn liền với quyền sử dụng đất được sử dụng đất ổn định lâu dài; giao đất không thu tiền sử dụng đất để sử dụng vào mục đích công cộng không nhằm mục đích kinh doanh, thời hạn sử dụng đất: Bàn giao cho địa phương quản lý sau khi đã đầu tư xây dựng theo quy hoạch và dự án được phê duyệt.

Như vậy, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 06-11-2014 về việc giao đất và cho thuê đất bổ sung để Công ty Cổ phần Sông Đà - N (đại diện pháp lý của Liên danh Công ty Cổ phần S - T và Công ty Cổ phần Sông Đà - N) thực hiện dự án Khu dân cư Cồn T, phường X, thành phố N là đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Đối với các quyết định của UBND thành phố N (Quyết định số 3593/QĐ-UBND và Quyết định số 3627/QĐ-UBND cùng ngày 18-9-2016):

Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N giai đoạn I: Đoạn từ cầu TP đến cầu H6 và Cầu Xóm Bóng đã được thu hồi đất theo Thông báo số 284/TB-UB ngày 01-7-2003 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Trong đó,

Khu dân cư Cồn T là một tiểu dự án thuộc Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N, được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt dự án đầu tư theo Quyết định số 1853/QĐ-UB ngày 31-10-2006.

Căn cứ Quyết định số 1547/QĐ-UB ngày 30-5-2003 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu dân cư Cồn T, phường X, thành phố N; Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 08-01-2004, phê duyệt dự án đầu tư: Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1 thành phố N; Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 31-10-2006 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh Quyết định số 110/QĐ-UB phê duyệt dự án đầu tư: Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1 thành phố N. Việc thu hồi đất để thực hiện Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N theo Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19-01-2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa là trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của Luật Đất đai.

Diện tích đất mà hộ gia đình ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L bị thu hồi là 92,80 m^2, gồm một phần thửa đất số 261, tờ bản đồ số 7D-I-A-b, tỷ lệ 1/500, do Công ty Địa chính Khánh Hòa thiết lập tháng 11-1998, được Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) xác nhận tháng 6-2011 (tương ứng toàn bộ thửa đất số 133, tờ bản đồ số 04, bản đồ hiện trạng khu đất tỷ lệ 1/500 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa thiết lập ngày 19-12-2013) nằm trong Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N (theo Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19-01-2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa).

Ngày 30-12-2015, Tổ công tác giải phóng mặt bằng tiến hành kiểm kê khối lượng bồi thường, giải tỏa thửa đất số 133, tờ bản đồ số 4, diện tích 92,80 m^2 đối với hộ ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L (Biên bản kiểm đếm khối lượng giải tỏa số 460/DT3/HĐBTHT&TĐC ngày 30-12-2015).

Ngày 07-4-2016, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư tiến hành họp xét bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Biên bản họp đợt 92 ngày 07-4-2016, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L, MSHS: 74).

Phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (có trường hợp của hộ gia đình ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L) được niêm yết tại trụ sở UBND phường X, thành phố N và trụ sở Tổ dân phố nơi có đất bị thu hồi từ ngày 22-4-2016 đến ngày 17-5-2016.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 62, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 69, Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Điều 6, Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19-01-2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Thông báo số 197/TB-UBND ngày 17-4-2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa; ngày 19-8-2016, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 3593/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L; đồng thời, căn cứ khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai và giá đất cụ thể tại Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 03-4-2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa, ngày 18-9-2016, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 3627/QĐ-UBND về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L là đúng pháp luật.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Thống nhất với toàn bộ nội dung khởi kiện và quan điểm trình bày của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 17-8-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ các Điều 62, 63, 66, 67, 69, 74, 75, 79, 82, 83, 84, 86, 88, 89, 90, 91, 114 và 146 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; các Điều 6, 13, 19 và 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 3593/QĐ-UBND ngày 19-8-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L đang sử dụng để thực hiện Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N (Khu dân cư Cồn T, phường X) và Quyết định số 3627/QĐ-UBND ngày 19-8-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L có đất bị thu hồi thuộc Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1 (Khu dân cư Cồn T, phường X, thành phố N).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 25-8-2017, ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Do không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận các yêu cầu khởi kiện nên ngày 25-8-2017, ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án; đơn kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm ông Nguyễn Văn G chết, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành thủ tục xác định người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện theo đúng quy định tại Điều 59 của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sử bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính bị khiếu kiện; người khởi kiện vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản giữ nguyên các quyết định hành chính đã ban hành, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng Hành chính: Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L:

[2.1]. Đối với kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 3593/QĐ-UBND ngày 19-8-2016 của UBND thành phố N:

Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt theo Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 08-01-2004 và Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 31-10-2006. Do đó, ngày 01-7-2003 UBND, tỉnh Khánh Hòa ban hành Thông báo số 284/TB-UB về việc giải tỏa để xây dựng Công trình chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N; Thông báo số 509/TB-UBND ngày 29-11-2007 về việc thỏa thuận địa điểm lập Dự án đầu tư Khu dân cư Cồn T, phường X, thành phố N; Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19-01-2010 về việc thu hồi đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang quản lý, sử dụng để thực hiện Dự án; Quyết định số 4668/UBND-XDNĐ ngày 06-9-2011 và Quyết định số 5436/UBND-XDNĐ ngày 01-10-2012 về chấp thuận đầu tư; Quyết định số 1547/QĐ-UB ngày 30-5-2013 và Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 02-6-2014 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết Khu dân cư Cồn T, phường X, thành phố N và Thông báo Kết luận số 197/TB-UBND ngày 17-4-2015 về việc cho phép tiếp tục thực hiện dự án và áp dụng thống nhất một chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo đề nghị của UBND thành phố N.

Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích công cộng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013. Diện tích đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L tại số 50, Cồn T, tổ 3, khóm D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa nằm trong vị trí, ranh giới thuộc Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N (Khu dân cư Cồn T, phường X), nên bị thu hồi 92,80 m^2, gồm một phần thửa đất số 261, tờ bản đồ số 7D-I-A-b, tỷ lệ 1/500, do Công ty địa chính Khánh Hòa thiết lập tháng 11-1998, được Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) xác nhận tháng 6-2011 (tương ứng toàn bộ thửa đất số 133, tờ bản đồ số 04, bản đồ hiện trạng khu đất tỷ lệ 1/500, do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa thiết lập ngày 19-12-2013).

Như vậy, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 3593/QĐ-UBND ngày 19-8-2016 về việc thu hồi thửa đất nêu trên của hộ gia đình ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L để thực hiện tiểu dự án Khu dân cư Cồn T thuộc Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N là đúng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62, Điều 63, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

[2.2] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 3627/QĐ-UBND ngày 19-8-2016 của UBND thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Căn cứ vào Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 03-4-2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt giá đất bồi thường, giá giao đất ở tại Khu tái định cư đối với Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N; căn cứ các quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và quy định giá bồi thường công

trình kiến trúc, vật nuôi, cây trồng trên đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất tại Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND, Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND và Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND, cùng ngày 21-12-2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa; căn cứ trên cơ sở khối lượng bồi thường, giải tỏa được kiểm đếm, xác nhận của UBND phường X, thành phố N về nguồn gốc đất thu hồi, bản đồ địa chính qua các thời kỳ, số nhân khẩu của gia đình tại thời điểm thông báo giải tỏa; căn cứ các Điều 6, 13, 19, 20, 21, 22, 23 và 24 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; căn cứ các Điều 74, 75, 79, 82, 83, 84, 86, 88, 89, 90, 91 và 114 của Luật Đất đai năm 2013. Ngày 19-8-2016, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 3627/QĐ-UBND "phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng là 433.918.000 đồng và hộ gia đình ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị L được cấp 02 lô đất theo quyết định cấp đất đính kèm" là đúng pháp luật.

[2.3]. Đối với kháng cáo về việc sử dụng đất của Công ty Cổ phần Sông Đà - N (đại diện pháp lý của Liên danh Công ty Cổ phần S - T và Công ty Cổ phần Sông Đà - N):

Theo các Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 12-11-2012, Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 06-11-2014, Quyết định số 3316/QĐ-UBND ngày 05-12-2014 và Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 04-9-2015 đều của UBND tỉnh Khánh Hòa, thì Công ty cổ phần Sông Đà - N là chủ đầu tư được UBND tỉnh Khánh Hòa giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích thực hiện Dự án Khu dân cư Cồn T đã được phê duyệt, trong đó:

- Giao đất có thu tiền sử dụng đất để xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê (đất ở tại đô thị).

- Giao đất không thu tiền sử dụng đất để xây dựng công viên cây xanh, đường giao thông (đất sử dụng vào mục đích công cộng không nhằm mục đích kinh doanh), cơ sở hạ tầng kỹ thuật đất Trường mẫu giáo (đất xây dựng công trình sự nghiệp).

- Cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần để xây dựng Công trình thương mại dịch vụ (đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp).

Công ty Cổ phần Sông Đà - N sử dụng đất để thực hiện dự án Khu dân cư Cồn T, phường X, thành phố N trên cơ sở được UBND tỉnh Khánh Hòa giao đất, cho thuê đất và nguồn gốc đất nhận giao là đất thuộc diện Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án nhằm phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Sau khi ban hành Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 19-8-2016 và Quyết định số 3627/QĐ-UBND ngày 19-8-2016; cùng ngày 19-8-2016, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 3616/QĐ-UBND và Quyết định số 3617/QĐ-UBND *"Giao cho hộ ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L 50,10 m^2 tại Lô số 53 và 48,80 m^2 tại Lô số 54, Ô6, đường Triệu Quang Phục (ĐL7,HS1,VT1), khu TĐC Tây Mương, phường Vĩnh Hòa, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa để sử dụng vào mục đích đất ở đô thị"* là thực hiện đúng quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L về việc hủy Quyết định số 3953/QĐ-UBND và Quyết định số 3627/QĐ-UBND cùng ngày 19-8-2016 của UBND thành phố N là có căn cứ.

Như vậy, kháng cáo của ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

- Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 17-8-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; các Điều 62, 63, 66, 67, 69, 74, 75, 79, 82, 83, 86, 88, 89, 90, 91, 114 và Điều 146 của Luật Đất đai năm 2013.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L về yêu cầu: hủy Quyết định số 3593/QĐ-UBND ngày 19-8-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L đang sử dụng để thực hiện Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1, thành phố N (Khu dân cư Cồn T, phường X) và Quyết định số 3627/QĐ-UBND ngày 19-8-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L có đất bị thu hồi thuộc Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông C1 (Khu dân cư Cồn T, phường X, thành phố N).

3. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000304 ngày 06-9-2017 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Khánh Hòa (do bà Nguyễn Thị Kim Hồng P nộp thay), nay được chuyển thành án phí; ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Việt Cường